

hộ sinh/y sĩ sản nhi và hơn 95% số thôn bản có nhân viên y tế thôn, bản hoặc cô đỡ thôn, bản...

3. Những thành tựu y học nổi bật

Chủ động sản xuất được nhiều vắcxin phòng bệnh: Thành tựu y tế quan trọng thời kỳ sau năm 1945 là sản xuất được các loại vắcxin phòng bệnh tả, bệnh đậu mùa, thương hàn để tiêm chủng cho nhân dân; bào chế và sản xuất được các thuốc thông thường bằng nguyên liệu tại chỗ. Năm 1950, lần đầu tiên Việt Nam sản xuất được kháng sinh penicilin. Năm 1961, lần đầu tiên Việt Nam sản xuất được vắcxin sabin phòng bệnh bại liệt và vắcxin phòng bệnh đậu mùa. Hiện nay, Việt Nam được công nhận là một trong số ít quốc gia làm chủ được công nghệ sản xuất vắcxin, tự nghiên cứu sản xuất vắcxin, như vắcxin cúm mùa 3 type được sản xuất và đủ điều kiện thương mại hóa; ứng dụng công nghệ sinh học vào sàng lọc và chẩn đoán phát hiện nhanh, chính xác các tác nhân gây dịch, như: sởi, sốt xuất huyết, tay chân miệng, là cơ sở để không xảy ra dịch trên quy mô lớn như các năm trước đây.

Điểm sáng trong thực hiện Mục tiêu Thiên niên kỷ: Đến nay, Việt Nam đã thanh toán được bệnh bại liệt, khống chế được bệnh uốn ván sơ sinh, ho gà, bạch hầu... Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân đã giảm từ 30,1% năm 2000 xuống còn 14,1% năm 2015 và năm 2016, tỷ lệ suy dinh dưỡng nhẹ cân ở trẻ dưới 5 tuổi là 13,8%. Tỷ suất chết mẹ giảm xuống còn 58,3 trên 100.000 trẻ đẻ sống năm 2015; tỷ suất chết trẻ em dưới một tuổi giảm khá nhanh, xuống còn 14,73 phần nghìn; tỷ suất chết trẻ em dưới năm tuổi giảm xuống 22,12 phần nghìn, đưa Việt Nam thành một trong năm nước đang phát triển có mức tử vong bà mẹ, trẻ em giảm nhanh nhất trên thế giới. Tuổi thọ trung bình tăng từ 72,9 tuổi năm 2010 lên 73,7 tuổi vào năm 2020, trong đó nam giới 71,2 tuổi, nữ giới 76,5 tuổi[16].

Kiểm soát và ngăn ngừa nhiều dịch bệnh nguy hiểm: Việt Nam hiện đã xây dựng được năng lực giám sát, phát hiện, chẩn đoán xác định dịch bệnh và ứng phó giải quyết dịch bệnh một cách nhanh chóng, hiệu quả. Năng lực phòng, chống dịch bệnh nguy hiểm và mới nổi được nâng cao. Công tác chuẩn bị, sẵn sàng ứng phó với các dịch bệnh nguy hiểm cũng được tích cực chủ động. Kết quả là nhiều dịch bệnh nguy hiểm đã được khống chế, đẩy lùi và thanh toán, cụ thể như thanh toán bệnh đậu mùa vào năm 1978, thanh toán bệnh bại liệt vào năm 2000, loại trừ uốn ván sơ sinh vào năm 2005, từ năm 2002 không có bệnh dịch hạch; một số bệnh dịch đã giúp giảm số người nhiễm hàng trăm đến hàng nghìn lần so với những năm trước khi có Chương trình tiêm chủng mở rộng như bạch hầu, ho gà, sởi... Nhiều bệnh dịch lưu hành khác có nguy cơ bùng phát thành dịch lớn, như: sốt xuất huyết, viêm não virus, lao, thương hàn, tả đã được khống chế; không gây thành các dịch lớn, hạn chế tỷ lệ mắc và tử vong. Việt Nam là một trong những quốc gia đầu tiên khống chế thành công dịch SARS, cúm A/H5N1, cúm A/H1N1; ngăn chặn thành công không để một số dịch bệnh nguy hiểm mới nổi xâm nhập như cúm A/H7N9, Ebola, MERS-

CoV...Việt Nam cũng triển khai được năng lực giám sát xét nghiệm rất tốt. Tất cả bệnh truyền nhiễm mới nổi đến nay, Việt Nam đều có khả năng xét nghiệm và phát hiện bệnh như MERS-CoV, Ebola, cúm A/H7N9 hay COVID-19, v.v... Hệ thống giám sát bệnh truyền nhiễm hoạt động hiệu quả từ giám sát cộng đồng, giám sát tại cửa khẩu, tại phòng xét nghiệm; giám sát tại vùng bờ thường liên quan đến yếu tố dịch tễ đều được báo cáo, sàng lọc.

Làm chủ nhiều công nghệ cao: Việt Nam cũng tiếp tục làm chủ, hoàn thiện đưa nhiều kỹ thuật y học đạt tầm thế giới, thực hiện chuyển giao nhiều kỹ thuật tiên tiến trong chẩn đoán và điều trị như phẫu thuật nội soi, can thiệp tim mạch, chẩn đoán hình ảnh, hỗ trợ sinh sản, điều trị ung thư máu, nhồi máu cơ tim, bệnh lý xương - khớp, bong, phẫu thuật tạo hình; ứng dụng tế bào gốc trong điều trị bệnh về máu. Cho đến nay, hệ thống y tế nước ta đã có 15 cơ sở ghép được tim, thận, gan, ghép giác mạc, ghép tế bào gốc tạo máu. Tháng 10/2019, hai ca ghép phổi thành công đã đánh dấu kỳ tích mới trong ngành ghép tạng Việt Nam. Việt Nam cũng tiếp tục khẳng định làm chủ công nghệ ghép đa tạng - một kỹ thuật khó của y học thế giới. Trong lĩnh vực sản khoa, năm 2019, Bệnh viện Phụ sản Hà Nội là bệnh viện công lập đầu tiên đã triển khai thành công kỹ thuật can thiệp bào thai - là kỹ thuật cao nhất, hiện đại nhất trong y học bào thai hiện nay.

VI. GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

1. Quy mô giáo dục phát triển nhanh, thực hiện nền giáo dục toàn dân, đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng tăng của nhân dân

Ngay sau Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, Đảng và Nhà nước ta đã đề ra nhiều chủ trương, chính sách lớn về phát triển giáo dục. Cả nước sôi nổi thực hiện phong trào bình dân hóa vụ, từ năm 1945 đến năm 1964, số thoát nạn mù chữ lên đến 10,5 triệu người. Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, việc xóa nạn mù chữ đã căn bản hoàn thành ở miền xuôi, phong trào bổ túc văn hóa phát triển mạnh mẽ. So với năm học 1955 - 1956, năm học 1975 - 1976 số trường phổ thông tăng 2,6 lần, số học sinh tăng 7,4 lần, số trường trung cấp chuyên nghiệp tăng 29,1 lần, số trường đại học tăng 19,5 lần, số sinh viên tăng 50,9 lần. Ở miền Nam, sau giải phóng, chúng ta đã tổ chức cho hàng chục vạn người theo học các lớp bổ túc văn hóa. Nhà trẻ và các lớp mẫu giáo phát triển khá nhanh. Các trường phổ thông phát triển rộng khắp. Hệ thống các trường sư phạm nhanh chóng được hình thành ở khắp các tỉnh, thành, đào tạo thêm hàng vạn giáo viên mới.

Từ năm 1986, thực hiện đường lối đổi mới toàn diện đất nước, lĩnh vực giáo dục và đào tạo cũng có nhiều đổi mới, thể hiện ở sự phát triển rộng khắp mạng lưới các trường học, sự tăng nhanh quy mô giáo dục, những chuyển biến bước đầu về chất lượng giáo dục. Năm 2000, cả nước đã đạt chuẩn quốc gia về xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học; đến năm 2004, 20 tỉnh, thành phố đã đạt chuẩn phổ cập trung

học cơ sở; đến năm 2010, tất cả các tỉnh, thành phố đã đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Đến nay, mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non tăng nhanh, từ 13.172 trường lên 15.384 trường mầm non và 6.518 nhóm trẻ độc lập, trường phổ thông sắp xếp lại từ 28.803 trường đến nay là 27.086 trường. Mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học được củng cố và phát triển ở khắp các khu dân cư lớn, các vùng, một số tỉnh/thành phố. Tính đến năm học 2019 - 2020, cả nước có 237 trường đại học, học viện (bao gồm 172 trường công lập, 60 trường tư thục và dân lập, 5 trường có 100% vốn nước ngoài), 37 viện nghiên cứu khoa học được giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ, 33 trường cao đẳng sư phạm và 2 trường trung cấp sư phạm. Quy mô sinh viên đại học, cao đẳng trong giai đoạn 2011 - 2020 tăng khoảng 2,4%.

Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đã tăng mạnh về số lượng, chất lượng và được chuẩn hóa, ngày càng đồng bộ về cơ cấu trong 10 năm qua. Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn trình độ được đào tạo theo quy định của Luật giáo dục: đối với mầm non đạt 96,6%, tiểu học đạt 99,7%, trung học cơ sở 99,0%, trung học phổ thông 99,6%, đại học 82,7%; 100% cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đạt chuẩn trình độ được đào tạo theo cấp học tương ứng.

Các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục đào tạo được quan tâm đầu tư và từng bước hiện đại hóa. Số trường lớp được xây dựng mới theo chuẩn quốc gia ngày càng tăng. Năm học 2019 - 2020, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia ở cấp tiểu học là 59,7%; cấp trung học cơ sở là 56,7%; cấp trung học phổ thông là 37,04%. Triển khai có hiệu quả các chương trình, đề án hỗ trợ cơ sở vật chất; đồng thời tạo cơ sở pháp lý và trách nhiệm để các địa phương huy động nguồn lực bảo đảm cơ sở vật chất trường, lớp học tập.

Tỷ lệ chi ngân sách cho giáo dục hằng năm của Việt Nam ở mức xấp xỉ 20%, tương đương 5% GDP. So với các nước, trong khu vực, tỷ lệ chi tiêu công cho giáo dục trên GDP của Việt Nam cao hơn hẳn nhiều nước, thậm chí so với các nước có trình độ phát triển kinh tế cao hơn.

2. Công bằng xã hội trong tiếp cận giáo dục có nhiều tiến bộ

Việc thực hiện công bằng trong giáo dục đạt được những kết quả tích cực. Hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú được mở rộng hơn để phục vụ con em đồng bào dân tộc thiểu số, từ 299 trường tăng lên 316 trường ở 49 tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương, đáp ứng nhu cầu học tập của 109.445 học sinh nội trú; 28 tỉnh có trường phổ thông dân tộc bán trú với quy mô 1.097 trường và 185.671 học sinh bán trú. Tiếng nói, chữ viết của 8 dân tộc thiểu số đã được đưa vào giảng dạy ở trường tiểu học; trong đó tiếng Hoa và tiếng Khmer được dạy cả ở trường trung học cơ sở.

Mạng lưới trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và trung tâm học tập cộng đồng được duy trì, ổn định. 100% các tỉnh, thành phố có trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh, 84,7% huyện có trung tâm giáo dục thường xuyên cấp huyện và 97,83% xã phường, thị trấn có trung tâm học tập cộng đồng. Mô hình hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng được duy trì, củng cố, một số địa phương đã lồng ghép các chương trình dự án với hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng, góp phần thiết thực nâng cao chất lượng cuộc sống và đóng vai trò quan trọng trong việc đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới.

Hệ thống Hội khuyến học đã phủ kín từ cấp tỉnh đến cấp xã với trên 17 triệu hội viên là các cựu giáo viên, các nhà hoạt động chính trị, xã hội quan tâm thúc đẩy sự nghiệp học tập cho mọi lứa tuổi. Cả nước có hơn 8 triệu gia đình đạt danh hiệu “Gia đình học tập”, gần 40 nghìn dòng họ đạt danh hiệu “Dòng họ học tập”, hơn 62 nghìn “Cộng đồng học tập” cấp thôn bản, tổ dân số và 27,5 nghìn các tổ chức nằm trên địa bàn hành chính cấp xã, do cấp xã quản lý đạt danh hiệu “Đơn vị học tập”.

Ngoài ưu tiên ngân sách cho giáo dục, Chính phủ còn có nhiều chính sách hỗ trợ khác, như: thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí cho học sinh, sinh viên nghèo; hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non; hỗ trợ phát triển giáo dục đối với con em đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa; hỗ trợ học bổng và phương tiện, đồ dùng học tập thực hiện chính sách giáo dục đối với người khuyết tật... Các chương trình tín dụng ưu đãi dành cho sinh viên thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội đã tạo điều kiện cho hàng triệu học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có hoàn cảnh khó khăn được vay vốn học tập và lập nghiệp.

3. Chất lượng giáo dục và đào tạo được nâng lên

Chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non: Năm học 2013 - 2014, cả nước mới có 18 tỉnh được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi thì đến năm 2017, tất cả 63 tỉnh, thành phố đã hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi. Nội dung chương trình giáo dục mầm non được đổi mới đã giúp trẻ tự tin, chủ động trong giao tiếp và tham gia tích cực vào các hoạt động giáo dục; trẻ có nhiều tiến bộ và phát triển tốt cả 5 lĩnh vực: thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm và kỹ năng xã hội, thẩm mỹ. Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi giảm xuống đều đặn hàng năm.

Chất lượng giáo dục phổ thông: Những năm gần đây, chất lượng giáo dục phổ thông nước ta trở thành tâm điểm nghiên cứu của thế giới. Giáo dục hướng nghiệp đã được quan tâm đổi mới về nội dung, đa dạng hóa các hình thức giáo dục hướng nghiệp theo hướng thiết thực, tăng tính thực hành, gắn với thực tiễn. Giáo dục mũi nhọn đã được chú trọng và tiếp tục đạt kết quả tốt. Học sinh Việt Nam khi tham dự các kỳ thi Olympic quốc tế và khu vực, sáng tạo khoa học kỹ thuật quốc tế luôn đứng ở vị trí tốp đầu. Tổng số Huy chương Vàng đạt được trong 5 năm qua tăng gần gấp đôi so với 5 năm trước đó. Từ năm 2016 - 2019, Việt Nam có 187 lượt thí sinh

tham dự thi Olympic khu vực và quốc tế, đạt 146 giải (45 Huy chương Vàng, 60 Huy chương Bạc, 35 Huy chương Đồng và 6 Bằng khen).

Chất lượng đào tạo đại học và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao: Số công trình khoa học được công bố trong nước và quốc tế tăng mạnh, vị thế các trường đại học của Việt Nam đã được nâng lên trong bảng xếp hạng châu Á và thế giới. Năm 2019, hệ thống giáo dục đại học Việt Nam xếp thứ 68/196 quốc gia trên thế giới, tăng 12 bậc so với năm 2018. Lần đầu tiên, Việt Nam có 3 cơ sở giáo dục đại học được vào top 1.000 trường đại học tốt nhất thế giới; có 8 cơ sở giáo dục đại học Việt Nam nằm trong danh sách 500 trường đại học hàng đầu Châu Á. Chất lượng nguồn nhân lực đã có chuyển biến tích cực, trong những thành tựu về tăng trưởng và phát triển kinh tế của đất nước 10 năm qua có phần đóng góp quan trọng của đội ngũ lao động trình độ cao, mà đa số được đào tạo trong nước.

4. Công tác quản lý giáo dục có bước chuyển biến tích cực

Từ giữa thế kỷ XX đến nay, Việt Nam đã tiến hành nhiều cuộc cải cách giáo dục. Năm 1950, trong hoàn cảnh nước nhà còn muôn vàn khó khăn, nhưng cuộc cải cách giáo dục lần đầu tiên nhằm mục tiêu xây dựng một nền giáo dục của dân, do dân và vì dân. Đến năm 1956, cải cách giáo dục lần thứ hai hướng tới đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ thành những công dân tốt, có đức, có tài. Năm 1981, cuộc cải cách giáo dục lần thứ ba toàn diện hơn, đồng bộ hơn nhằm tạo bước chuyển biến mới về hệ thống giáo dục, nội dung và phương pháp dạy học. Hiện nay, chúng ta đang tích cực tiến hành một “cuộc cách mạng” về giáo dục với việc đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI)[17], bảo đảm cho giáo dục Việt Nam phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế, thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

5. Hợp tác quốc tế được đẩy mạnh

Từ năm 2004 đến năm 2016, Việt Nam đăng cai và tổ chức thành công nhiều kỳ thi quốc tế: Olympic Vật lý châu Á (năm 2004), Olympic Toán học quốc tế (năm 2007), Olympic Vật lý quốc tế (năm 2008), Olympic Hóa học quốc tế (năm 2014). Năm 2016, Việt Nam là nước chủ nhà của Cuộc thi Olympic Sinh học quốc tế lần thứ 27 - IBO 2016. Tính đến năm 2019, cả nước có tổng số 455 dự án FDI thuộc lĩnh vực giáo dục đào tạo; các nước đã cấp khoảng 1.400 suất/năm cho lưu học sinh Việt Nam đi học tập ở các trình độ từ đại học đến tiến sĩ và thực tập, nghiên cứu ở nước ngoài.

VII. QUỐC PHÒNG - AN NINH

1. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, lợi ích quốc gia, dân tộc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; giữ vững an ninh quốc gia, ổn định chính trị - xã hội, trật tự an toàn xã hội và môi trường hòa bình để tập trung xây dựng và phát triển đất nước.

Đây là thành tựu lớn nhất trên lĩnh vực quốc phòng - an ninh. 75 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, chúng ta đã giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm môi trường hòa bình, ổn định và an ninh cho sự phát triển đất nước; làm thất bại âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, góp phần quan trọng vào quá trình đổi mới đất nước, nâng cao vị thế, uy tín Việt Nam trên trường quốc tế.

2. Xây dựng toàn diện nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân

Trong những năm qua, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đã tích cực triển khai thực hiện xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân ở từng khu vực và trên địa bàn cả nước; thực hiện tốt chủ trương kết hợp chặt chẽ kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng, an ninh trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Đảng, Nhà nước, Quân đội tích cực đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng cơ sở mang tính lưỡng dụng đáp ứng kịp thời cho thực hiện nhiệm vụ quốc phòng - an ninh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tác chiến trong tình hình mới.

Công tác phối hợp giữa Quân đội nhân dân với Công an nhân dân được tiến hành nghiêm túc, chặt chẽ, thống nhất từ Trung ương đến đơn vị cơ sở. Các đơn vị quân đội, công an đã chủ động phối hợp để tham mưu với Đảng, Nhà nước giải quyết nhiều vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự, góp phần bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội.

Cùng với việc xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân và thể trận an ninh nhân dân, chúng ta đã ra sức xây dựng và củng cố “thể trận lòng dân” thông qua việc củng cố vững chắc hệ thống chính trị để làm hạt nhân lãnh đạo, quản lý, tập hợp và huy động sức mạnh tổng hợp cho sự nghiệp quốc phòng; xây dựng, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức quần chúng góp phần xây dựng cơ sở chính trị địa phương vững mạnh, củng cố quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

3. Hệ thống pháp luật về bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội ngày càng được hoàn thiện

Nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của nhiệm vụ củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc, những năm qua, Đảng đã ban hành nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về quốc phòng, nhằm kịp

thời thế ché hóa quan điểm, đường lối quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, như “Chiến lược Bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”; “Chiến lược Quốc phòng Việt Nam”; “Chiến lược Quân sự Việt Nam”; “Chiến lược Bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng”; “Chiến lược Bảo vệ an ninh quốc gia”; “Chiến lược Bảo vệ biên giới quốc gia”. Nhà nước đã xây dựng, ban hành mới và bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về quốc phòng, an ninh: Luật An ninh quốc gia, Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Nghĩa vụ quân sự, Luật Dân quân tự vệ, Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh, Luật Phòng, chống khủng bố, Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, Luật Cảnh sát biển Việt Nam, Luật Nhập cảnh, xuất cảnh và cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự. Luật Quốc phòng, Luật Công an nhân dân...

Đây là những bước tiến quan trọng, nhằm thay đổi ché hóa đồng bộ các quan điểm của Đảng, nhất là những tư duy, quan điểm mới về quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc bằng các văn bản quy phạm pháp luật - cơ sở pháp lý quan trọng để tăng cường sức mạnh quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng.

4. Tiềm lực quốc phòng và an ninh được tăng cường; xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại

Tiền thân từ các đội vũ trang của quân khởi nghĩa Nam Kỳ, các đội Cứu quốc quân ở Việt Bắc... xuất hiện trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền, lực lượng Quân đội và Công an đã ra đời. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, lực lượng vũ trang nhân dân đã lớn mạnh, trưởng thành và lập nên nhiều kỳ tích trong Tổng khởi nghĩa giành chính quyền Tháng Tám năm 1945, trong các cuộc kháng chiến chống thực dân, đế quốc xâm lược (1945 - 1975) cũng như trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Quân đội nhân dân và Công an nhân dân được xây dựng theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; có bản lĩnh chính trị vững vàng, đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch, kiên quyết bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, là lực lượng trung kiên bảo vệ Đảng, Nhà nước, bảo vệ nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước. Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cũng là lực lượng tham gia tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, góp sức xây dựng cơ sở chính trị, tăng cường “trận địa lòng dân”, chủ động giúp nhân dân phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn bản sắc văn hóa - dân tộc, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân; tích cực tham gia các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, xóa đói giảm nghèo, xóa mù chữ, gắn bó với đồng bào dân tộc thiểu số vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng, làm tốt vai trò tham mưu, góp phần chủ động

phòng ngừa, tấn công làm thất bại âm mưu “diễn biến hòa bình”, hoạt động gây rối, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; đấu tranh, ngăn chặn và xử lý có hiệu quả các hoạt động cơ hội chính trị, các loại tội phạm hình sự; tham gia tích cực, có hiệu quả vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, hoạt động cứu hộ, cứu nạn, phòng, chống và khắc phục thiên tai.

Cùng với xây dựng bộ đội chủ lực vững mạnh, Đảng, Nhà nước quan tâm đầu tư xây dựng lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ hùng hậu, rộng khắp. Toàn quốc đã đào tạo được gần 24.400 cán bộ quân sự cấp xã chuyên ngành quân sự cơ sở, qua đó đã nâng cao trình độ, năng lực tham mưu cho cấp ủy, chính quyền cấp xã trong thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương. Đã tập trung xây dựng dân quân tự vệ biển thực sự trở thành lực lượng quan trọng phối hợp cùng các lực lượng đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo, bảo vệ ngư dân, sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu. Dân quân tự vệ, công an viên thực sự là lực lượng chính trị tin cậy của cấp ủy, chính quyền và nhân dân ở cơ sở.

5. Hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh đạt nhiều kết quả

Đối ngoại quốc phòng, an ninh tiếp tục khẳng định là kênh quan trọng, cùng với đối ngoại Đảng, ngoại giao nhà nước, đối ngoại nhân dân, đấu tranh bảo vệ chủ quyền lãnh thổ bằng các biện pháp hòa bình, trên cơ sở luật pháp quốc tế, góp phần trực tiếp xây dựng lòng tin chiến lược, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Việt Nam đã có quan hệ, hợp tác về quốc phòng, an ninh với các đối tác chủ chốt, phù hợp với các quan hệ song phương theo các khuôn khổ của đối tác chiến lược toàn diện, đối tác chiến lược và đối tác hợp tác toàn diện tập trung vào những lĩnh vực phù hợp, có trọng tâm, trọng điểm. Hoạt động đối ngoại quốc phòng, an ninh không ngừng được mở rộng trên nhiều lĩnh vực quốc phòng, quân sự, kinh tế, khoa học và công nghệ, phát triển cả bề rộng và chiều sâu. Đến năm 2019, chúng ta đã thiết lập quan hệ quốc phòng với hơn 80 quốc gia và tổ chức quốc tế; có 50 nước đặt tuy viên quân sự tại Việt Nam, trong đó 28 nước thường trú và 22 nước kiêm nhiệm. Quân đội đã cử 37 lượt sĩ quan và tổ chức 2 bệnh viện dã chiến cấp 2 (mỗi bệnh viện gồm 64 quân nhân) sang tham gia Phái bộ Gìn giữ hòa bình của Liên Hợp quốc tại Cộng hòa Trung Phi và Nam Sudan.

VIII. ĐỐI NGOẠI VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

1. Công tác đối ngoại đã góp phần duy trì, củng cố môi trường hòa bình ổn định, giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa.

Đường lối đối ngoại của Đảng, Nhà nước ta được hình thành rõ nét và phát huy mạnh mẽ ngay sau khi Cách mạng tháng Tám thành công. Đến khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bùng nổ, các hoạt động đối ngoại được xúc tiến nhằm đề cao chính nghĩa, tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân Pháp, chính phủ và nhân dân các nước khác đối với cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam.

Từ những năm 50 thế kỷ XX, hoạt động đối ngoại được triển khai gồm ba kênh: đối ngoại Đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân; cùng bổ sung, hỗ trợ cho nhau, làm cho hoạt động đối ngoại thêm phong phú, linh hoạt, thực hiện có hiệu quả đường lối đối ngoại chung, phục vụ đắc lực và thiết thực nhất mục tiêu cách mạng ở từng thời kỳ, góp phần vào đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Cuối những năm 80 của thế kỷ XX, tình hình thế giới có những biến đổi sâu sắc và phức tạp. Đại hội VII của Đảng đã đề ra đường lối đối ngoại “đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế” với tinh thần “Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”[18]. Đại hội IX đề ra tiếp tục “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế. Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”[19]. Thực hiện đường lối đó, Việt Nam đã bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc (năm 1991), với Mỹ (năm 1995).

Đến nay, Việt Nam đã thiết lập quan hệ tốt với tất cả các nước lớn, trong đó có 5 nước Thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, toàn bộ 7 nước G7 và 17/20 nước thành viên G20. Thiết lập và nâng cấp nhiều mối quan hệ lên đối tác chiến lược, đối tác chiến lược toàn diện. Chỉ riêng trong 5 năm (2016 - 2020), Việt Nam đã thiết lập đối tác chiến lược với 3 nước, nâng đối tác chiến lược lên đối tác toàn diện với 1 nước, thiết lập đối tác toàn diện với 5 nước, nâng tổng số quan hệ đối tác chiến lược, đối tác toàn diện lên 30 nước. Số lượng các cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài cũng tăng lên (91 cơ quan) với 65 đại sứ quán, 20 tổng lãnh sự quán, 4 phái đoàn thường trực bên cạnh các tổ chức quốc tế, 1 văn phòng kinh tế văn hóa. Quan hệ với các đối tác hàng đầu không chỉ phát triển mạnh trên kênh Nhà nước, mà còn được đẩy mạnh trên cả kênh Đảng với nhiều hoạt động cấp cao vừa mang ý nghĩa chính trị, vừa có nhiều nội dung hợp tác thực chất, hiệu quả.

Việt Nam duy trì mối quan hệ tốt với các nước láng giềng và khu vực. Mặc dù có nhiều diễn biến phức tạp trên Biển Đông nhưng chúng ta đã khéo léo, kiên trì, kiên quyết đấu tranh bằng nhiều hình thức, biện pháp phù hợp, được cộng đồng quốc tế đánh giá cao, vừa bảo vệ được độc lập, chủ quyền, quyền chủ quyền, vừa giữ vững được môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước. Việt Nam cùng ASEAN và Trung Quốc tích cực tham gia đàm phán về COC, đẩy mạnh trao đổi về phân định vùng đặc quyền kinh tế với Indônêxia, tiếp tục duy trì các cơ chế đàm phán với Trung Quốc ở khu vực ngoài cửa Vịnh Bắc Bộ và tích cực nghiên cứu các khả năng hợp tác cùng phát triển. Chúng ta cũng đã hoàn thành việc tăng dày, tôn tạo mốc giới với Lào; đang triển khai việc thực hiện Nghị định thư và Hiệp định Quy chế biên giới Việt - Lào. Với Campuchia, hai nước cũng đã hoàn thành 84% việc phân giới cắm mốc và đang xúc tiến hoàn tất văn kiện ghi nhận những kết quả đã đạt được.

Công tác đối ngoại đã phối hợp chặt chẽ với công tác bảo vệ pháp luật trong việc đẩy lùi, vô hiệu hóa các âm mưu và hành động chống phá Đảng, Nhà nước ta về dân chủ, nhân quyền, tôn giáo; bảo hộ công dân và người Việt Nam ở nước ngoài; đấu tranh bảo vệ quyền và chủ quyền lãnh thổ quốc gia, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế đã đóng góp tích cực vào việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội

Việt Nam chủ động tham gia các tổ chức kinh tế quốc tế: Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) năm 1995, tham gia Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM) năm 1996, Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) năm 1998, Tổ chức Thương mại quốc tế (WTO) năm 2007. Việt Nam đã có mối quan hệ tích cực với các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế như Ngân hàng Thế giới, Quỹ tiền tệ thế giới, Ngân hàng phát triển Á Châu ...

Việt Nam ngày càng đóng vai trò quan trọng trong ASEAN, duy trì và củng cố quan hệ của ASEAN với các đối tác bên ngoài, đóng góp quan trọng vào việc xây dựng Cộng đồng Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (Cộng đồng ASEAN) và Hiến chương ASEAN; tham gia tích cực, có trách nhiệm với các diễn đàn khu vực và quốc tế như Hội đồng nhân quyền Liên Hợp Quốc nhiệm kỳ 2014 - 2016, Ủy ban Kinh tế - xã hội Liên Hợp Quốc nhiệm kỳ 2016 - 2018, Ủy ban Di sản thế giới của UNESCO nhiệm kỳ 2013 - 2017, Lực lượng gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc (PKO), Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.

Không chỉ tham gia các hoạt động đa phương đơn thuần, Việt Nam còn tích cực đóng góp để xây dựng, định hình các thể chế, luật lệ, chuẩn mực đa phương, đóng vai trò tích cực hơn trong các cơ chế quản trị toàn cầu và xây dựng quan hệ hợp tác ngày càng tốt đẹp với nhiều cơ chế, tổ chức, sáng kiến quốc tế. Các nước lớn ngày càng coi trọng vị thế của Việt Nam trong chiến lược ở khu vực và trên thế giới.

Việt Nam chủ động và tích cực trong việc đàm phán và ký kết các Hiệp định thương mại tự do (FTA), hội nhập sâu và toàn diện hơn vào nền kinh tế khu vực và thế giới. Việc ký các hiệp định thương mại đã mở rộng và đa dạng hóa thị trường, quan hệ bạn hàng với nhiều nền kinh tế phát triển và không để nền kinh tế đất nước rơi vào tình trạng bị lệ thuộc vào một thị trường, góp phần đưa quan hệ của Việt Nam với các đối tác chiến lược, đối tác toàn diện vào chiều sâu.

Vị thế trong các tổ chức và các mối quan hệ đối ngoại đã góp phần làm cho đất nước đạt được những thành quả quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội. Hiện nay, Việt Nam đã ký kết và đi vào triển khai hàng trăm thỏa thuận hợp tác quốc tế ở các cấp từ trung ương tới địa phương, thu hút nguồn lực to lớn cho phát triển đất nước. Dòng vốn đầu tư nước ngoài vào nước ta không ngừng tăng cao. Riêng giai đoạn 2016 - 2020, dòng vốn FDI tính đến 20/02/2020 có 31.434 dự án có hiệu lực của 126 quốc gia và vùng lãnh thổ với tổng số vốn đăng ký là 370 tỉ USD.

Kim ngạch xuất nhập khẩu liên tục tăng trưởng, cải thiện đáng kể cán cân thương mại. Văn hóa, du lịch, quốc phòng - an ninh, khoa học - công nghệ ... đều đạt những thành quả quan trọng.

Phần 3

DIỄN BIẾN CUỘC TỔNG KHỎI NGHĨA THÁNG TÁM NĂM 1945 Ở TÂY NINH VÀ THÀNH TỰU SAU 45 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

I. Diễn biến Cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 ở Tây Ninh

Năm bắt thời cơ “ngàn năm có một” để giành chính quyền, ngày 13/8/1945, Ủy ban Khởi nghĩa ra Quân lệnh số 1 hiệu triệu toàn dân tổng khởi nghĩa. Ngày 16/8/1945, Đại hội Quốc dân thông qua “10 chính sách lớn của Việt Minh”; thông qua “Lệnh tổng khởi nghĩa”; quy định Quốc kỳ, Quốc ca; thành lập Ủy ban Dân tộc giải phóng Trung ương, tức Chính phủ Lâm thời do đồng chí Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư kêu gọi Nhân dân cả nước tổng khởi nghĩa, trong đó chỉ rõ: “Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nhân dân cả nước đồng loạt vùng dậy, tiến hành tổng khởi nghĩa, giành chính quyền.

Ở Tây Ninh, tuy chưa nhận được chủ trương tổng khởi nghĩa của Trung ương, nhưng ngày 16/8/1945, đồng chí Huỳnh Văn Thanh, Trưởng ban Cán sự Đảng tinh triệu tập cuộc họp mở rộng tại nhà đồng chí Trần Văn Đẩu (Tư Đẩu), gần chợ cũ, thị xã Tây Ninh. Hội nghị nhất trí đánh giá tình thế cách mạng đã chín muồi, quyết định thành lập Ban vận động giành chính quyền và phân công nhau thực hiện một số việc quan trọng như liên lạc với Xứ ủy để tiếp nhận kịp thời sự chỉ đạo của cấp trên; nắm trí thức và các chức sắc tiến bộ trong tôn giáo Cao Đài; vận động cảnh sát trưởng và lực lượng cảnh sát bảo vệ dinh tỉnh trưởng; tiếp xúc nhằm lôi kéo hoặc làm trung lập bọn sĩ quan và binh lính Nhật; tổ chức lực lượng vũ trang; tập hợp lực lượng công nhân ở hằng đường Thanh Điền và các sở cao su; bố trí lực lượng quần chúng ở nông thôn, thị trấn, thị xã sẵn sàng đứng lên giành chính quyền.

Ở vùng nông thôn, bô máy tè nguy rệu rã, số nầm im, số ngả theo Việt Minh. Các phong trào Việt Minh diễn ra công khai, lực lượng thanh niên tham gia tập luyện võ nghệ, quân sự suốt ngày đêm, tiến hành tuần tra, canh gác. Ở các ngả đường vào xóm áp và những nơi hiểm yếu đều đặt vọng gác, có trang bị một số súng hai nòng và súng trường.

Ngày 19/8/1945, khởi nghĩa nổ ra ở Hà Nội và giành thắng lợi. Trong khi đó ở Tây Ninh, Mặt trận Việt Minh đã kịp thời lãnh đạo quần chúng rải truyền đơn, khẩu hiệu “Đả đảo chính quyền bù nhìn Trần Trọng Kim”, “Üng hộ Mặt trận Việt Minh” và kêu gọi chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền.

Ngày 23/8/1945, được tin Sài Gòn đang khẩn trương chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền, Ban Cán sự Đảng tỉnh cử đồng chí Trần Kim Tân và nữ đồng chí Trương Mỹ Lan liên lạc với Xứ ủy để xin chỉ đạo hành động. Ngay ngày này, đồng chí Trương Mỹ Lan trở về Tây Ninh báo cáo tình hình, còn đồng chí Trần Kim Tân ở lại Sài Gòn dự mít tinh. Nhận được chỉ thị của Xứ ủy, đồng chí Huỳnh Văn Thanh, Trưởng ban Cán sự Đảng tỉnh triệu tập hội nghị gồm đảng viên và cán bộ nòng cốt tham dự. Hội nghị bàn việc tổ chức một cuộc mít tinh có đông đảo quần chúng tham gia để Mặt trận Việt Minh tinh ra hoạt động công khai, đồng thời kêu gọi Nhân dân ủng hộ Việt Minh. Hội nghị còn quyết định cử ra Ban lãnh đạo hành động giành chính quyền gồm các đồng chí: Huỳnh Văn Thanh, Trần Văn Mạnh, Phạm Tung, Trương Mỹ Lan, Trần Văn Đầu, Nguyễn Văn Chấn, về sau bổ sung thêm đồng chí Trần Kim Tân.

Thực hiện chủ trương của hội nghị, ngay trong đêm 23/8/1945, Ban lãnh đạo hành động cử người đi các nơi huy động Nhân dân, lực lượng Thanh niên Tiền phong và học sinh về dự mít tinh ở thị xã. Băng, cờ, khẩu hiệu trang bị cho đoàn người đi dự mít tinh do cơ sở Việt Minh ở hằng đường Thanh Điền lấy vải của nhà máy đem về nhuộm đỏ và cắt may cho các nhóm. Mọi việc được tiến hành hết sức khẩn trương và chu đáo.

Chiều ngày 24/8/1945, lực lượng quần chúng đầu tiên từ vùng Bến Cầu được ghe xuồng đưa lên hằng đường, sau đó tập trung tại xóm Dốc, ấp Thanh Thuận, xã Thanh Điền để ổn định tổ chức và chuẩn bị xuất phát.

Trong khi những người lãnh đạo Cao Đài còn hoang mang dao động, Ban lãnh đạo hành động giành chính quyền cử thầy thuốc Vĩnh vào Toà Thánh vận động ông Đặng Trung Chữ, một chức sắc tiến bộ, tổ chức quần chúng tham gia cuộc mít tinh ủng hộ Mặt trận Việt Minh. Mặt khác, Ban lãnh đạo hành động giành chính quyền còn thực hiện chủ trương tranh thủ, trung lập hoá quân đội Nhật không tấn công chúng nếu chúng không can thiệp vào các hoạt động khởi nghĩa.

Sáng sớm ngày 25/8/1945, từ Thanh Điền, Xóm Vịnh, Quán Cơm, lực lượng quần chúng giương cờ đỏ sao vàng, mọi người đều có băng trắng chữ Việt Minh màu đỏ hoặc băng đỏ đeo ở cánh tay, các đồng chí đảng viên mang súng ngắn dẫn đầu đội ngũ rầm rập tiến vào sân vận động thị xã. Cùng lúc lực lượng Thanh niên Tiền phong có trang bị súng và tầm vông từ đình Hiệp Ninh lên đường tiến vào sân vận động. Quần chúng tín đồ Cao Đài mang theo cờ đạo, đội ngũ chỉnh tề, từ Toà Thánh cũng đến sân vận động thị xã dự mít tinh. Thế là một cuộc mít tinh lớn chưa từng thấy ở Tây Ninh đã diễn ra.

Tại buổi mít tinh, đồng chí Huỳnh Văn Thanh, Trưởng Ban Cán sự Đảng tỉnh đọc diễn văn nêu rõ: Quân đội Nhật đã đầu hàng quân Đồng minh, chính quyền Hà Nội và khắp miền Bắc, Trung đã thuộc về Việt Minh và kêu gọi đồng bào Tây Ninh hãy đứng lên sẵn sàng giành chính quyền. Quần chúng dự mít tinh hết sức phấn

khởi, hô vang khẩu hiệu ủng hộ Mặt trận Việt Minh. Cuộc mít tinh của quần chúng chuyển thành đoàn biểu tình kéo qua dinh tỉnh trưởng, quanh chợ và các đường phố chính trong thị xã. Trước khí thế cách mạng của quần chúng, chính quyền bù nhìn không dám phản ứng. Đến trưa, đoàn biểu tình mới trở về thị xã.

Khoảng 14 giờ ngày 25/8/1945, một đoàn cán bộ từ Sài Gòn mang chỉ thị giành chính quyền của Xứ ủy lên Tây Ninh. Ban lãnh đạo giành chính quyền tỉnh triệu tập hội nghị mở rộng gồm các thành viên Ban Lãnh đạo hành động và một số cán bộ nòng cốt để lập kế hoạch giành chính quyền. Xuất phát từ điều kiện khách quan, chính quyền bù nhìn rệu rã đang chờ giao chính quyền, bọn Nhật đã bị cô lập, trung đội cảnh sát bảo vệ dinh tỉnh trưởng có viên chỉ huy ngả theo cách mạng, thời cơ đang đến nhanh, hội nghị quyết định chỉ huy động lực lượng khoảng 500 quần chúng có trang bị đầy đủ, đột nhập dinh tỉnh trưởng và chiếm các công sở. Theo kế hoạch, một bộ phận xung kích đã đột nhập vào bên trong dinh tỉnh trưởng, tước súng của hai tên lính gác giao lại cho lực lượng bảo vệ để chiếm giữ và bảo vệ trật tự, an toàn trong khu vực dinh tỉnh trưởng. Mọi việc đều tiến hành nhanh gọn, không gặp phải một sự kháng cự nào của địch. Các đồng chí trong Ban Lãnh đạo hành động giành chính quyền cùng với đoàn cán bộ đi từ Sài Gòn lên bằng ô tô có cầm cờ đỏ sao vàng vào dinh tỉnh trưởng. Tỉnh trưởng Lê Văn Thạnh được gọi ra, yêu cầu nộp sổ sách, giấy tờ và giao chính quyền. Trước khí thế cách mạng, tỉnh trưởng Lê Văn Thạnh đáp lại: “Chúng tôi đã có chuẩn bị chờ các ông”.

Ban lãnh đạo hành động giành chính quyền buộc Lê Văn Thạnh phải gọi những người cầm đầu các công sở đến, ai có vũ khí phải mang theo (lúc này, lực lượng tự vệ đã triển khai chiếm xong các công sở) lực lượng cách mạng tước hết súng. Việc chuyển giao chính quyền tỉnh được giải quyết xong ngay trong đêm 25/8/1945. Sau đó, lực lượng cách mạng chỉ bắt giữ Tỉnh trưởng Lê Văn Thạnh, Jean Baptiste Hà Văn Sua - y sĩ có quốc tịch Pháp và Đốc phủ Đường, tên tay sai đắc lực của Pháp. Những người còn lại được cho về tiếp tục công việc, trừ một vài nơi trọng yếu như nhà máy đèn, nhà máy nước, do lực lượng cách mạng trực tiếp nắm giữ.

Các công sở của huyện Châu Thành đóng ở thị xã, cũng được tiếp quản ngay sau khi bộ máy chính quyền ngụy cấp tỉnh không còn.

Ở Trảng Bàng, cán bộ Việt Minh cũng nhận được chỉ thị của Xứ ủy về tổ chức cuộc mít tinh ủng hộ Việt Minh và chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền. Ban lãnh đạo khởi nghĩa được thành lập kịp thời gồm đồng chí Huỳnh Hà, Lê Phẩm Ba, Lê, Dú. Sáng sớm 25/8/1945, một cuộc mít tinh trọng thể được tổ chức tại bãi chợ Trảng Bàng, toàn bộ lực lượng Thanh niên Tiền phong của quận và đông đảo Nhân dân ở các xã tham dự.

Tại cuộc mít tinh, đồng chí Huỳnh Hà nhân danh đại biểu của quận bộ Việt Minh phát biểu nhấn mạnh: Nhật đầu hàng, ở miền Bắc, Trung chính quyền đã về tay Việt Minh, đồng thời kêu gọi quần chúng sẵn sàng khởi nghĩa giành chính quyền ở

quận. Những người dự mít tinh háo hức hô to khẩu hiệu “chính quyền về tay Việt Minh”, “Việt Minh muôn năm”. Kết thúc cuộc mít tinh, quần chúng tham gia thành đoàn biểu tình thị uy quanh phố chợ rồi toả về các xã.

Tối 25/8/1945, anh Phiên, thư ký hành chính quận đã được vận động theo cách mạng, khôn khéo ra lệnh cho bọn lính cất hết súng vào kho. Cùng lúc, một lực lượng nhỏ Thanh niên Tiền phong bao vây bên ngoài dinh quận. Sau đó, hai đồng chí Huỳnh Hà, Lê Phẩm Ba cùng với anh Phiên vào quận đường buộc tên quận trưởng Huỳnh Tường Tấn đầu hàng và chuyển giao chính quyền. Trước đó, tên Tấn nghe động đã đóng kín các cửa, nhưng liệu bè không chống nổi nên xin chấp nhận chuyển giao chính quyền.

Lực lượng khởi nghĩa chiếm quận đường, Huỳnh Tường Tấn, quận trưởng bị bắt giam. Việc giành chính quyền ở Trảng Bàng hoàn thành. Sáng hôm sau (26/8/1945), cờ đỏ sao vàng tung bay khắp thị trấn.

Tại vùng Phước Chỉ, sau khi nhận lệnh từ Đức Hoà, chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền, các đảng viên đã họp bàn kế hoạch và thành lập Ban Tuyên truyền vận động khởi nghĩa gồm các đồng chí Lê Văn Vắng, Bùi Quang Ngỗi, Dương Quang Thanh, Lê Đặng Côn, Bùi Quang Tấn, thầy giáo Quang và Ba Màng. Theo kế hoạch, một đội vũ trang bao vây đồn Rạch Tràm và gọi hàng. Bọn lính trong đồn mất hết tinh thần trước khí thế sôi sục của quần chúng, vội vàng hạ súng đầu hàng. Bọn cầm quyền ở khu vực chợ Rạch Tràm cũng hoang mang dao động cao độ, nên khi đoàn biểu tình của quần chúng kéo đến đã chấp nhận giao chính quyền.

Sau khi giành chính quyền ở tỉnh và quận, Ban Cán sự Đảng tỉnh cử một số đồng chí về các vùng nông thôn hướng dẫn Nhân dân giành chính quyền ở tổng, xã. Việc giành chính quyền ở nông thôn cũng diễn ra thuận lợi do bọn hương lý đã tan rã từ những ngày trước đó, không dám hành động chống lại.

Chỉ trong một ngày đêm (25/8/1945), chính quyền ngụy từ tỉnh đến quận đều sụp đổ hoàn toàn, và ba ngày sau chính quyền các xã đều thuộc về tay Nhân dân. Tổng khởi nghĩa tháng Tám ở Tây Ninh đã diễn ra nhanh chóng và giành thắng lợi hoàn toàn. Cùng với cả nước, cuộc khởi nghĩa giành chính quyền tháng Tám năm 1945 ở Tây Ninh thắng lợi rực rỡ. Thành công đó là do Ban Cán sự Đảng tỉnh nhạy bén tiếp thu và vận dụng sáng tạo đường lối, chủ trương của Đảng, nhất là chủ trương xây dựng lực lượng chuẩn bị khởi nghĩa, đặc biệt là vai trò lãnh đạo của các đảng viên, các cơ sở Đảng.

Từ khi các cơ sở Đảng đầu tiên được thành lập, là hạt nhân cho sự ra đời của Ban Cán sự Đảng tỉnh (9/1944) đến khởi nghĩa giành chính quyền, đội ngũ đảng viên chỉ có 25 đồng chí, nhưng các đảng viên đều vượt qua thử thách, tôi luyện trong đấu tranh cách mạng, luôn gắn bó với quần chúng, tuyên truyền giác ngộ quần chúng đứng trong tổ chức cách mạng, tạo được đội quân chính trị đông đảo vùng lân thành

cao trào rộng khắp toàn tỉnh, khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám thành công.

II. Thành tựu 45 năm xây dựng và phát triển của tỉnh Tây Ninh

1. Đảng bộ Tây Ninh lãnh đạo Nhân dân cùng với cả nước đánh thắng thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước

Sau cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 thành công, chính quyền cách mạng và Mặt trận các cấp trong tỉnh được thành lập, từng bước ổn định đời sống Nhân dân. Nhưng hưởng niềm vui hòa bình chưa được bao lâu, Nhân dân Tây Ninh cùng đồng bào cả nước phải tiếp tục bước vào một cuộc trường chinh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, bảo vệ nền độc lập vừa giành được, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Trong suốt 30 năm chống thực dân và đế quốc, với chân lý “Không có gì quý hơn độc lập tự do”, “Thà hy sinh tất cả” chứ “nhất định không chịu làm nô lệ”, quân dân Tây Ninh đã vượt qua muôn vàn khó khăn, gian khổ và hy sinh, lập nên nhiều chiến công oai hùng, xứng đáng với truyền thống quê hương trung dũng kiên cường.

Trong 09 năm kháng chiến chống Pháp, từ tiếng súng đầu tiên ở Suối Sâu (ngày 08/11/1945) đến kết thúc cuộc kháng chiến tháng 7-1954, chiến trường Tây Ninh là một trong những nơi khó khăn nhất của “miền Đông gian lao mà anh dũng”. Kẻ thù đã dùng đủ mọi âm mưu thủ đoạn xảo quyệt từ “chia để trị”, dùng người Khmer giết người Việt, áp dụng chính sách “tam quang”: giết sạch, đốt sạch, phá sạch,... đến các loại vũ khí tối tân lúc bấy giờ nhằm triệt phá vùng căn cứ kháng chiến. Nhưng với đường lối cách mạng đúng đắn, Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể ra sức tổ chức, chăm lo cuộc sống cho Nhân dân; củng cố các tổ chức đảng thành hệ thống lãnh đạo vững mạnh; từng bước thống nhất các lực lượng vũ trang dưới sự lãnh đạo của Đảng, phát triển lực lượng vũ trang 3 thứ quân: chủ lực, bộ đội địa phương và du kích lớn mạnh; giáo dục lập trường, quan điểm quân chúng và luôn giữ vững tinh thần cách mạng tiến công, vừa đánh địch tại địa phương, vừa bảo vệ căn cứ địa kháng chiến, lãnh đạo toàn dân đấu tranh giành thắng lợi, chấm dứt cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược lần thứ hai.

Trong 21 năm chống Mỹ cứu nước, Đảng bộ, dân và quân Tây Ninh phải đương đầu một cuộc chiến khó khăn, ác liệt hơn. Ở từng giai đoạn của cuộc chiến tranh, Tây Ninh luôn là địa bàn đánh phá ác liệt của địch, hòng huỷ diệt Căn cứ Trung ương Cục miền Nam nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não lãnh đạo cuộc kháng chiến và lực lượng bộ đội chủ lực cách mạng miền Nam. Tuy chịu nhiều đau thương, mất mát, nhưng Đảng bộ, dân và quân Tây Ninh vẫn vượt qua mọi hiểm nguy, gian khó, hy sinh, kiên cường bám trụ để lãnh đạo Nhân dân đấu tranh, bảo vệ cơ quan đầu não kháng chiến, bảo vệ quê hương.

Dưới ánh sáng Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (01-1959), phong trào cách mạng ở miền Nam đã bước sang một giai đoạn mới. Bằng chiến thắng Tua Hai (01-1960) vang dội, mở đầu cho cao trào Đồng Khởi ở Nam Bộ, cách mạng miền Nam đã chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công chiến lược, buộc địch phải bị động đối phó. Quân và dân Tây Ninh cùng với toàn miền Nam lần lượt đập tan các chiến lược chiến tranh tàn bạo của đế quốc Mỹ, buộc Mỹ xuống thang chiến tranh, ký kết Hiệp định Paris (01/1973), chấp nhận thua trận, rút quân về nước. Thừa thắng xông lên, quân dân Tây Ninh và quân dân miền Nam đã đánh cho ngụy nhào, hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, xứng đáng với lòng tin của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Sau ngày 30/4/1975, trong khi cả nước được độc lập, bắt tay khắc phục hậu quả chiến tranh, phát triển kinh tế - xã hội thì Tây Ninh phải tiếp tục bước vào một cuộc chiến mới, cuộc chiến đấu bảo vệ chủ quyền biên giới Tây Nam của Tổ quốc. Đồng thời, giúp nước bạn Campuchia thoát khỏi nạn diệt chủng do tập đoàn phản động Pôn-pốt gây ra; chi viện sức người, sức của kiến thiết tỉnh Kom Pon Chàm (Campuchia) chí tình, chí nghĩa trong suốt 10 năm (1979-1989).

2. Những thành tựu nổi bật của Đảng bộ tỉnh Tây Ninh qua 45 năm xây dựng và phát triển

Sau năm 1975, tỉnh nhà được giải phóng, Đảng bộ, quân và dân Tây Ninh bắt tay vào xây dựng cuộc sống mới từ một xuất phát điểm rất thấp. Cơ sở hạ tầng bị phá huỷ nặng nề, 60/73 xã trong tỉnh bị tàn phá hoàn toàn, hơn 9.000 người bị phơi nhiễm chất độc da cam/dioxin. Toàn tỉnh không có một công trình thuỷ nông quan trọng nào phục vụ cho sản xuất nông nghiệp; hoạt động công nghiệp gần như không có; đại bộ phận Nhân dân sống trong nghèo khó, hàng vạn đối tượng chính sách cần được chăm lo.

“Lửa thử vàng, gian nan thử sức”, với truyền thống “trung dũng, kiên cường”, với tinh thần đoàn kết, năng động, sáng tạo, nỗ lực vượt qua khó khăn, Đảng bộ, chính quyền, quân và dân Tây Ninh đã nêu cao tinh thần tự lực tự cường, quyết tâm cao độ để vừa hàn gắn vết thương chiến tranh, vừa phấn đấu xây dựng tỉnh nhà. Trong 10 năm 1975-1985, Tây Ninh tập trung cải tạo, xây dựng và phát triển nền kinh tế theo Nghị quyết Đại hội IV và V của Đảng đề ra, chủ yếu lấy sản xuất lương thực làm nhiệm vụ trung tâm hàng đầu, cho nên từ chỗ Tây Ninh phải nhận sự chi viện của Trung ương đã phần đầu không những tự lực được lương thực, mà còn làm nghĩa vụ với Trung ương và từng bước tháo gỡ những khó khăn, đưa nền kinh tế - xã hội đi vào quỹ đạo xã hội chủ nghĩa.

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, Đảng bộ tỉnh các nhiệm kỳ đã tập trung trí tuệ, tìm quyết sách lãnh đạo, khai thác, tận dụng tiềm năng - lợi thế, xác định đúng đắn chiến lược phát triển cùng lộ trình và bước đi phù hợp, tạo bước đột phá vươn lên, đưa Tây Ninh không ngừng phát triển, giành được nhiều thành tựu to lớn,

toàn diện. Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) của tỉnh liên tục tăng, năm 2019 ước tăng 8,4%, cao hơn kế hoạch đề ra (tăng trên 8%) và cao hơn mức bình quân chung của cả nước. Đây cũng là năm có mức tăng trưởng cao nhất trong 5 năm trở lại đây. GRDP bình quân đầu người của tỉnh năm 2019 đạt 3.000 USD, ước tính sẽ tăng lên mức 3.266 USD trong năm 2020. Từ một tỉnh thuần nông, Tây Ninh đã tăng trưởng công nghiệp, dịch vụ mạnh mẽ, năm 2019 nhóm ngành này chiếm đến 75% cơ cấu GRDP của tỉnh.

Năm 1985, tổng thu ngân sách của tỉnh chỉ khoảng 3 tỷ đồng, đến năm 2019, con số này đạt mức 9.523 tỷ đồng, đạt 119% so dự toán, tăng đến 25% so cùng kỳ. Năm 2019, đầu tư phát triển trên toàn xã hội chiếm 42,7% trong GRDP, tăng 22% so với cùng kỳ và là năm có giá trị đầu tư phát triển cao nhất.

Về thu hút đầu tư, Tây Ninh nằm trong nhóm các tỉnh, thành phố có tỷ lệ thu hút đầu tư nước ngoài cao. Toàn tỉnh có 10 khu, cụm công nghiệp đang hoạt động; đến 2020, đã thu hút được 552 dự án đầu tư trong nước, với tổng vốn đăng ký gần 78.000 tỷ đồng và 350 dự án đầu tư nước ngoài với tổng vốn đăng ký hơn 7,7 tỷ USD. Các dự án đầu tư trong và ngoài nước là nguồn lực quan trọng thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh tăng trưởng cao trong thời gian qua. Nhiều nhà đầu tư lớn, có thương hiệu quốc gia như Sun Group, Vingroup, TTC Group... đã có dự án đầu tư tại Tây Ninh. Đặc biệt, tỉnh đã đưa vào hoạt động Cụm nhà máy điện mặt trời Dầu Tiếng có tổng vốn 9.100 tỷ đồng, đưa Tây Ninh thành một trong những "thủ phủ" về điện mặt trời của cả nước. Tỉnh cũng đã khánh thành và đưa vào sử dụng hệ thống các tuyến cáp treo lên đỉnh núi Bà Đen và các công trình phụ trợ, tạo tiền đề vững chắc để Tây Ninh đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh đến năm 2030.

Từ chỗ không có mặt hàng nào xuất khẩu, đến nay kim ngạch xuất khẩu của Tây Ninh đã đạt hơn 4,2 tỷ USD. Trong giai đoạn 2016 - 2020, kim ngạch xuất khẩu của Tây Ninh đạt 19 tỷ USD, tăng bình quân 10%/năm; xuất khẩu chủ yếu dựa vào nhóm hàng công nghiệp (chiếm 81,8%), trong đó mặt hàng dệt may chiếm tỷ trọng lớn nhất là 20,3%. Các doanh nghiệp ngày càng chú trọng xuất khẩu các mặt hàng, sản phẩm tinh chế, mở rộng mở rộng thị trường xuất khẩu, nhất là tìm kiếm thị trường xuất khẩu mới.

Xây dựng nông thôn mới và quá trình đô thị có nhiều chuyển biến tích cực. Đến năm 2020, có 45/71 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 63,4%; bình quân toàn tỉnh đạt 16,8 tiêu chí/xã, tăng 3,2 tiêu chí so với năm 2016. Thành phố Tây Ninh và thị xã Hòa Thành hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Năm 2020, Thành phố Tây Ninh cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại II, huyện Trảng Bàng và huyện Hòa Thành được công nhận là đô thị loại IV và trở thành thị xã; tỷ lệ đô thị hóa của tỉnh đạt 48,5%.

Cùng với kinh tế, các lĩnh vực văn hoá - xã hội đạt nhiều thành tựu nổi bật. Chất lượng khám chữa bệnh, giáo dục - đào tạo, phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá, xây dựng thiết chế văn hoá cơ sở... tiếp tục được triển khai sâu rộng và đạt kết quả tốt. Các chính sách xã hội, chương trình Quốc gia về giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo được triển khai có hiệu quả. Tây Ninh đã cơ bản giải quyết nhà ở cho gia đình chính sách và hộ nghèo. Năm 2020, tỉnh không còn hộ nghèo theo tiêu chuẩn Trung ương, tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm còn dưới 1%, đưa Tây Ninh trở thành tỉnh đứng thứ 5 cả nước về giảm nghèo và thấp thứ 03 về chỉ tiêu hộ nghèo so với tổng số hộ nghèo. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế năm 2019 đạt 81,9% so với dân số toàn tỉnh, dự báo sẽ đạt mức 88% đến cuối năm 2020. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm xã hội đạt mức cao, đứng trong top 10 của cả nước. Các hoạt động văn hoá, thông tin, giáo dục được thực hiện tốt; công tác phòng, chống dịch bệnh, chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ Nhân dân được quan tâm; công tác an sinh xã hội, phúc lợi xã hội được triển khai có hiệu quả.

Công tác quốc phòng, an ninh được các cấp uỷ đảng, chính quyền tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả, gắn với xây dựng khu vực phòng thủ, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Lực lượng vũ trang tỉnh được quan tâm xây dựng vững mạnh toàn diện; thực hiện tốt công tác huấn luyện, diễn tập; đề ra nhiều phương án, biện pháp phòng ngừa, xử lý các tình huống có thể xảy ra trên địa bàn. Phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” được đẩy mạnh, nhiều mô hình tự quản về an ninh trật tự được nhân rộng. Quan hệ hợp tác với các tỉnh giáp biên thuộc Vương quốc Campuchia được tăng cường, xử lý kịp thời những vấn đề phức tạp nảy sinh, không để xảy ra “điểm nóng” trên tuyến biên giới.

Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị được đẩy mạnh toàn diện, bản lĩnh chính trị, tư duy và năng lực lãnh đạo được nâng lên. Cấp uỷ các cấp tập trung thực hiện hai nhiệm vụ “phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng đảng là then chốt”, kiên định chủ nghĩa Mác – Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tập trung thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, chăm lo phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh; chủ động lựa chọn nhiệm vụ trọng tâm, đổi mới tư duy, sáng tạo trong triển khai, tổ chức thực hiện. Việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trở thành việc làm thường xuyên trong các tổ chức đảng, đảng viên, tạo sự lan tỏa, hưởng ứng trong toàn xã hội. Tỉnh đã kịp thời sắp xếp tổ chức, bộ máy hệ thống chính trị sau Đại hội X và bầu cử chính quyền theo đúng quy định của Đảng và pháp luật Nhà nước. Công tác cán bộ được thực hiện chặt chẽ, đúng quy định; công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng được thực hiện thường xuyên, toàn diện, chặt chẽ, đúng quy định; công tác phòng, chống tham nhũng được thực hiện gắn với nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tăng cường kiểm tra, giám sát, phát hiện, xử lý nghiêm các vi phạm. Công tác dân vận được triển khai toàn diện; Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tích cực đổi mới, hoạt động ngày càng hiệu quả. Hoạt động

của chính quyền được củng cố, kiện toàn ngày càng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, cải cách hành chính đạt kết quả quan trọng.

*

* * *

75 năm qua, từ khi Cách mạng Tháng Tám thành công và sự ra đời Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đất nước ta, nhân dân ta đã trải qua bao khó khăn, gian khổ từ nhiệm vụ đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước cũng như xây dựng, phát triển vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Những thành tựu đạt được trong 75 năm qua là công lao, công hiến to lớn của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta và sự giúp đỡ quý báu của bạn bè quốc tế. Chúng ta tự hào về những thành tựu to lớn đó, đúng như lời Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng đã nhấn mạnh: "Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín như ngày nay"^[20] và phát huy cao độ niềm tự hào trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng trong năm 2021 và những năm tiếp theo với bước phát triển mới hướng tới kỷ niệm 100 năm Ngày thành lập Đảng, 100 năm Ngày thành lập nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY

(bổ sung dựa trên Tài liệu tuyên truyền của Ban Tuyên giáo Trung ương)

[1]. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.424.

[2]. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.8, tr.160.

[3], 2, 3.

[4]. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.54, tr.147.

[5]. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng (tài liệu sử dụng tại Đại hội đảng bộ cấp huyện, cấp tỉnh và tương đương)*, tháng 4/2020, tr.103.

[6]. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng (Tài liệu sử dụng tại Đại hội Đảng bộ cấp huyện, cấp tỉnh và tương đương)*, tháng 4/2020, tr.84, 85.

[7]. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng (Tài liệu sử dụng tại Đại hội đảng bộ cấp huyện, cấp tỉnh và tương đương)*, tháng 4/2020, tr.84.

[8] Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III, tập 1, trang 65

[9]. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng (Tài liệu sử dụng tại Đại hội Đảng bộ cấp huyện, cấp tỉnh và tương đương)*, tháng 4/2020, tr.90.

[10]. Báo cáo chuyên đề gửi kèm CV số 2205/BNG-CSĐN ngày 1/7/2020 của Bộ Ngoại giao.

[11]. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng (Tài liệu sử dụng tại Đại hội đảng bộ cấp huyện, cấp tỉnh và tương đương)*, tháng 4/2020, tr.84.

[12], 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng (Tài liệu sử dụng tại Đại hội đảng bộ cấp huyện, cấp tỉnh và tương đương)*, tháng 4/2020, tr.103, 98.

[13]. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng (Tài liệu sử dụng tại Đại hội đảng bộ cấp huyện, cấp tỉnh và tương đương)*, tháng 4/2020, tr.100.

[14], 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng (Tài liệu sử dụng tại Đại hội đảng bộ cấp huyện, cấp tỉnh và tương đương)*, tháng 4/2020, tr.100, 100, 102.

[15]. [15]. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng (Tài liệu sử dụng tại Đại hội đảng bộ cấp huyện, cấp tỉnh và tương đương)*, tháng 4/2020, tr.102.

[16]. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng (Tài liệu sử dụng tại Đại hội đảng bộ cấp huyện, cấp tỉnh và tương đương)*, tháng 4/2020, tr.102.

[17]. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

[18]. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.51, tr.49.

[19]. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.60, tr.146.

[20]. Phát biểu của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng tại Lễ kỷ niệm 90 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/1930 - 3/2/2020).

